

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04 tháng 6 năm 2020

“V/v: không công nhận quan hệ vợ chồng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trịnh Văn Nhất

Bà Hoàng Thị Hồng

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký
TAND thành phố Bắc Giang

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên
tòa:** ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L – sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã TT, thành phố Bắc Giang, Bắc Giang

2- Bị đơn: anh Đỗ Văn V, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Tr, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai và lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Văn V đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới ngày 19/10/1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhau tại Thôn Tr, xã TT, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, mỗi người làm một hướng, vợ chồng không còn tình cảm, thường xuyên cãi vã, tranh chấp, anh V nhiều lần gây sự, đánh chị do say rượu, thua cờ bạc và nghi chị có quan hệ với người khác. Vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nhiều tháng, đến tháng 7 năm 2019 thì quyết định

sống ly thân. Từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc, qua lại với nhau. Nay mâu thuẫn gay gắt không thể hòa giải, chị đề nghị Tòa án xét xử cho chị và anh Đỗ Văn V ly hôn.

Về giấy chứng nhận kết hôn, do sơ suất nên vợ chồng chị đã làm mất. Khi chị ra UBND xã TT xin xác nhận tình trạng hôn nhân, UBND xã xác định không có tên vợ chồng chị trong sổ đăng ký, do đó chị không có giấy chứng nhận kết hôn nộp cho Tòa án.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Đỗ Văn T, sinh ngày 23/9/1991 và Đỗ Thị M, sinh ngày 21/6/1993. Hai con đều khỏe mạnh và đã lập gia đình, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn V tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai ngày 06/5/2020 trình bày: Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới tháng 10/1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thành phố Bắc Giang nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã mất. Vợ chồng chung sống hòa thuận trong nhiều năm, đến năm 2019 thì mâu thuẫn xảy ra do vợ chồng không tin tưởng nhau, chị L thường có những mối quan hệ không L mạnh, không rõ ràng khiến anh nghi ngờ, từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn gay gắt. Vợ chồng anh ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay và chị L đã chuyển đi thuê nhà khác ở. Trong thời gian qua, anh có gọi chị L về đoàn tụ, nhưng chị không chịu, nay chị L xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con như chị L đã khai, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương, đại diện UBND xã TT, thành phố Bắc Giang cung cấp: Qua kiểm tra hồ sơ, sổ sách về đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay được lưu giữ tại UBND xã TT thì không có tên chị Hoàng Thị L, sinh năm: 1972 và anh Đỗ Văn V, sinh năm 1967 ở Thôn Tr, xã TT có đăng ký kết hôn. Trên thực tế, chị L và anh V có chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay và có hai con chung, hiện đều cư trú tại địa phương. Việc anh V, chị L mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không nắm rõ, nay anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh V có đơn xin vắng mặt, chị L có mặt xác định vợ chồng chị không đến đến UBND xã Tân Tiến để đăng ký kết hôn, mà nhờ người mang chứng minh nhân dân lên xã để đăng ký kết hôn giúp, sau đó có được cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng nay đã mất. Nay vợ chồng không ở được với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật cho vợ chồng ly hôn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tại phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp

hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt song đã có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 227; Khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của chị L, anh V, đề nghị Tòa án căn cứ Điều 14, điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Đỗ Văn V. Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị L cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Chị L đã thực hiện việc thông báo khởi kiện, gửi tài liệu cho bị đơn theo quy định.

[2]. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình, các đương sự cư trú tại thành phố Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt song đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Đỗ Văn V đều khai có tổ chức lễ cưới ngày 19/10/1990 và chung sống từ khi cưới cho đến nay. Về việc đăng ký kết hôn, chị L, anh V khai có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, thành phố Bắc Giang, nhưng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, đại diện UBND xã TT đã xác định kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã TT từ năm 1989 cho đến nay không có tên anh Đỗ Văn V, chị Hoàng Thị L có năm sinh, địa chỉ như trên đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định tại các điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị L và anh Đỗ Văn V không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ điều 14, điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Đỗ Văn V là vợ chồng.

Về con chung: Chị L, anh V có hai con là Đỗ Văn T, sinh ngày 23/9/1991 và Đỗ Thị M, sinh ngày 21/6/1993, đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh, có gia đình nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất canh tác: Chị L, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 9, điều 14, điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, điều 35; điều 39; điều 70; điều 71; điều 72; điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 235; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Hoàng Thị L và anh Đỗ Văn V là vợ chồng.

Án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001176 ngày 26/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

-VKSND TP Bắc Giang;

-THADS TP Bắc Giang;

-Các đương sự;

-UBND xã Tân Tiến.

-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng